

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 55; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 1397/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Bà Lý Thị Huỳnh H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số X, Đường Y, tổ Z, khu phố V, phường K, Thành phố Thủ Đức

Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số B, Đường M, khu phố V, phường K, Thành phố Thủ Đức

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn của bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A là loại việc dân sự, theo qui định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận, huyện. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Thành phố Thủ Đức nên theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Ngày 23 tháng 04 năm 2014, bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A đã đến Ủy ban nhân dân phường K, Quận 2 đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân phường K, Quận 2 đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyền số 01/2014. Vì

vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A là hợp pháp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian đầu bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên hạnh phúc kéo dài không lâu thì giữa bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không hiểu nhau, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đỉnh điểm là mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Hôn nhân không đạt mục đích, bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn. Yêu cầu của bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A là có cơ sở, theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình, Tòa án công nhận;

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A cùng xác nhận là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa không xét;

Về lệ phí: Bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A cùng phải chịu. Nhưng bà Lý Thị Huỳnh H tự nguyện chịu phần của ông Nguyễn Văn A. Đây là sự tự nguyện, Tòa ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường K, Thành phố Thủ Đức cấp ngày 23 tháng 04 năm 2014 không còn giá trị pháp lý.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn A chấm dứt kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2021;

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Lý Thị Huỳnh H tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà bà Lý Thị Huỳnh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024391 ngày 08 tháng 11 năm 2021 do Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức lập. Bà Lý Thị Huỳnh H đã nộp đủ lệ phí, ông Nguyễn Văn A không phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Đức;
- VKSND Thành phố Thủ Đức;
- UBND P Bình Trưng Tây, TP Thủ Đức;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Lũy